BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 21 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập và bảo vệ luận văn thạc sĩ của học viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ cho 272 học viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 được hưởng mọi quyền lợi quy định tại Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các phòng, khoa liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất, các học viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH (để báo cáo);
- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, SĐH.



GS.TS Trần Thanh Hải

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 21 /QĐ-MĐC ngày 06 tháng 01 năm 2023)

TT	Họ và tên học viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Số bằng
1	Hà Thị Tuyết	Nữ	17/09/1992	Lạng Sơn	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
2	Trần Thị Chiến	Nữ	29/12/1982	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
3	Đoàn Duy Doanh	Nam	20/01/1989	Thái Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
4	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	22/09/1997	Ninh Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
5	Nguyễn Bằng Hội	Nam	16/03/1983	Thái Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
6	Vũ Đình Huynh	Nam	10/02/1993	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
7	Đinh Duy Kháng	Nam	03/01/1978	Bà Rịa-VT	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
8	Chu Phú Ngoãn	Nam	28/09/1979	Hà Nam	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
9	Nguyễn Thanh Phương	Nam	30/06/1996	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
10	Đỗ Trí Quảng	Nam	20/11/1981	Thái Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
11	Trần Ngọc Trường Sơn	Nam	18/03/1985	TPHCM	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
12	Hoàng Văn Thái	Nam	16/08/1986	Tây Ninh	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
13	Đinh Thị Thanh	Nữ	17/05/1995	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
14	Đặng Xuân Trường	Nam	04/03/1984	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
15	Lại Thanh Bình	Nữ	08/09/1995	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
16	Nguyễn Tường Chuẩn	Nam	12/08/1983	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
17	Vũ Tấn Dũng	Nam	15/10/1976	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
18	Tạ Duy	Nam	08/11/1980	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
19	Phạm Sĩ Duy	Nam	26/04/1993	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
20	Hồ Văn Duy	Nam	18/10/1995	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
21	Trương Thị Cẩm Giang	Nữ	30/03/1994	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
22	Bùi Thị Hảo	Nữ	20/07/1982	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
23	Ngô Thanh Hải	Nam	08/01/1983	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
24	Lê Thị Hồng	Nam	06/10/1986	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
25	Lê Xuân Hùng	Nam	02/02/1987	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
26	Trần Ngọc Quốc Huy	Nam	18/09/1995	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
27	Lê Thị Hương	Nữ	07/05/1987	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
28	Lưu Huy Khanh	Nam	22/08/1985	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
29	Trần Việt Khoa	Nam	21/04/1985	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
30	Phạm Thị Lý	Nữ	26/03/1989	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
31	Lưu Thị Ninh	Nữ	16/09/1981	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
32	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	Nữ	28/10/1990	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
33	Lê Trung Nghĩa	Nam	24/07/1988	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
34	Đặng Thị Bích Ngọc	Nữ	19/08/1993	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
35	Lê Quỳnh Như	Nữ	01/06/1994	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
36	Nguyễn Hữu Phú	Nam	09/08/1987	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
37	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Nữ	19/09/1991	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
38	Nguyễn Hoài Tấn	Nam	20/07/1985	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
39	Trần Đức Tình	Nam	27/09/1991	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
40	Võ Minh Tú	Nam	03/11/1998	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
41	Cao Ngọc Thanh	Nam	01/05/1984	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
42	Nguyễn Đức Thọ	Nam	24/11/1987	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	

43	Võ Thị Thanh Thúy	Nữ	11/09/1987	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
44	Trần Diễm Thy	Nữ	20/02/1997	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
45	Nguyễn Thị Trang	Nữ	12/05/1980	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
46	Nguyễn Bá Trang	Nữ	05/07/1989	Thanh Hóa	Quản lý đất đai	
47	Trần Trung Việt	Nam	16/10/1985	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
48	Lê Anh Việt	Nam	15/03/1993	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
49	Võ Ngọc Dũng	Nam	30/12/1981	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
50	Trương Thị Lan Vy	Nữ	01/10/1997	Quảng Ngãi	Quản lý đất đai	
51	Nguyễn Trung Đức	Nam	23/04/1995	Nghệ An	Quản lý đất đai	
52	Mai Công Hiệp	Nam	22/05/1997	Hà Nội	Quản lý đất đai	
53	Phan Huy Hoàng	Nam	20/11/1995	Long An	Quản lý đất đai	
54	Nguyễn Ngọc Hưng	Nam	26/03/1977	Hà Nội	Quản lý đất đai	
55	Nguyễn Sỹ Khoa	Nam	07/05/1977	Hà Tĩnh	Quản lý đất đai	
56	Đỗ Đình Lâm	Nam	01/10/1986	Hà Nội	Quản lý đất đai	
57	Hoàng Thị Loan	Nữ	25/06/1988	Hải Phòng	Quản lý đất đai	
58	Đỗ Thị Tuyết	Nữ	02/11/1987	Hà Nội	Quản lý đất đai	
59	Phạm Hải An	Nữ	21/09/1998	Quảng Ninh	KT trắc địa - bản đồ	
60	Hoàng Văn Bình	Nam	18/02/1985	Thanh Hóa	KT trắc địa - bản đồ	
61	Lê Văn Cương	Nam	28/02/1985	Hải Phòng	KT trắc địa - bản đồ	
62	Trần Việt Dũng	Nam	06/08/1982	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
63	Nguyễn Văn Đại	Nam	28/02/1990	Đắk Lắk	KT trắc địa - bản đồ	
64	Đặng Tiến Đạt	Nam	28/09/1988	Phú Yên	KT trắc địa - bản đồ	
65	Thái Hữu Đạt	Nam	12/09/1989	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
66	Cái Thị Nhung Em	Nữ	01/01/1994	Cần Thơ	KT trắc địa - bản đồ	
67	Trần Thị Hồng Gấm	Nữ	01/01/1998	An Giang	KT trắc địa - bản đồ	
68	Phan Văn Hải	Nam	12/11/1989	Cà Mau	KT trắc địa - bản đồ	
69	Đàm Quang Hinh	Nam	24/07/1979	Ninh Bình	KT trắc địa - bản đồ	
70	Đinh Văn Hòa	Nam	20/09/1990	Thanh Hóa	KT trắc địa - bản đồ	
71	Hồ Văn Hồng	Nam	10/09/1988	Bình Phước	KT trắc địa - bản đồ	
72	Đỗ Xuân Hùng	Nam	21/07/1979	Hải Dương	KT trắc địa - bản đồ	
73	Nguyễn Duy Hùng	Nam	18/08/1981	Thái Bình	KT trắc địa - bản đồ	
74	Lê Thanh Hưng	Nam	18/12/1976	Quảng Bình	KT trắc địa - bản đồ	
75	Vũ Đông Khang	Nam	27/07/1994	Sóc Trăng	KT trắc địa - bản đồ	
76	Đỗ Bình Khánh	Nam	02/09/1975	Vĩnh Phúc	KT trắc địa - bản đồ	
77	Nguyễn Bá Khánh	Nam	14/02/1987	Nghệ An	KT trắc địa - bản đồ	
78	Lê Thị Hồng Lam	Nữ	30/10/1992	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
79	Đặng Văn Lắm	Nam	08/09/1979	Hậu Giang	KT trắc địa - bản đồ	
80	Đào Tuấn Linh	Nam	18/11/1998	Hưng Yên	KT trắc địa - bản đồ	
81	Nguyễn Văn Lưu	Nam	27/01/1979	Hà Nội	KT trắc địa - bản đồ	
82	Hồ Duy Minh	Nam	08/04/1985	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
83	Đồng Hữu Nguyên	Nam	27/02/1988	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
84	Nguyễn Văn Nhiệt	Nam	15/02/1979	An Giang	KT trắc địa - bản đồ	
85	Đỗ Tấn Phước	Nam	08/08/1985	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
86	Lê Anh Phước	Nam	20/01/1985	Hà Tĩnh	KT trắc địa - bản đồ	
87	Võ Đăng Quang	Nam	27/05/1983	Cần Thơ	KT trắc địa - bản đồ	
88	Cao Văn Siêng	Nam	11/11/1982	Hậu Giang	KT trắc địa - bản đồ	
89	Lê Văn Tấn	Nam	12/07/1989	Khánh Hòa	KT trắc địa - bản đồ	
90	Trần Toan	Nam	16/03/1987	Đà Nẵng	KT trắc địa - bản đồ	

91	Trần Quốc Toản	Nam	14/09/1978	Hà Nam	KT trắc địa - bản đồ	
92	Đặng Văn Toản	Nam	10/06/1983	Bến Tre	KT trắc địa - bản đồ	
93	Nguyễn Xuân Tới	Nam	17/10/1982	Hải Dương	KT trắc địa - bản đồ	
94	Lê Anh Tuấn	Nam	07/02/1979	Hà Tĩnh	KT trắc địa - bản đồ	
95	Hoàng Anh Tuệ	Nam	20/03/1974	Hà Nội	KT trắc địa - bản đồ	
96	Đặng Tuấn Thái	Nam	07/10/1977	Quảng Bình	KT trắc địa - bản đồ	
97	Trần Văn Thoại	Nam	04/061985	Khánh Hòa	KT trắc địa - bản đồ	
98	Trần Ngọc Thanh Thòn	Nam	15/05/1985	Hậu Giang	KT trắc địa - bản đồ	
99	Nguyễn Văn Thủ	Nam	08/02/1977	Thái Bình	KT trắc địa - bản đồ	
100	Đặng Thế Thuận	Nam	06/03/1984	Đắk Lắk	KT trắc địa - bản đồ	
101	Bùi Phụ Trí	Nam	20/05/1998	Quảng Ngãi	KT trắc địa - bản đồ	
102	Đỗ Nguyễn Duy Trung	Nam	28/10/1987	Ninh Thuận	KT trắc địa - bản đồ	
103	Phạm Hồng Xuân	Nam	10/11/1972	Nam Định	KT trắc địa - bản đồ	
104	Bùi Thị Xuân	Nữ	27/01/1998	An Giang	KT trắc địa - bản đồ	
105	Nguyễn Mạnh Thắng	Nam	28/03/1991	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
106	Nguyễn Văn Biên	Nam	20/05/1992	Thanh Hóa	Địa chất học	
107	Phạm Nguyên Minh	Nam	25/06/1995	Hà Nội	Địa chất học	
108	Nguyễn Xuân Quang	Nam	22/04/1995	Hà Nội	Địa chất học	
109	Souliphone Yanxana	Nam	15/10/1997	Lào	Địa chất học	
110	Đặng Đình Công	Nam	23/10/1980	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
111	Nguyễn Hữu Duy	Nam	15/05/1983	Thanh Hóa	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
112	Lê Kim Long	Nam	12/09/1988	Long An	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
113	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	21/02/1994	Nam Định	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
114	Phùng Hồng Quảng	Nam	03/02/1980	Thái Bình	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
115	Nguyễn Thành Công	Nam	11/12/1984	Ninh Bình	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
116	Đỗ Tuấn Diệp	Nam	28/11/1984	Hà Nội	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
117	Nguyễn Bá Dũng	Nam	08/10/1995	Bắc Ninh	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
118	Trần Minh Đức	Nam	08/02/1988	Hà Nội	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
119	Bùi Bảo Long	Nam	11/01/1991	Hà Nội	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
120	Phạm Thanh Tịnh	Nam	11/07/1995	Hải Dương	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
121	Nguyễn Khánh Tùng	Nam	13/02/1994	Hà Nội	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
122	Chu Ngọc Tuyến	Nam	12/12/1972	Bắc Giang	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
123	Hồ Trung Thành	Nam	06/08/1991	Hà Tĩnh	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
124	Dương Quốc Trung	Nam	11/01/1997	Hà Tĩnh	KT địa chất (ĐCKS&TD)	
125	Lê Minh Tuấn	Nam	06/07/1980	Hà Nội	Địa tin học	
126	Vũ Ngọc Anh	Nam	19/08/1995	Nam Định	Địa tin học	
127	Bùi Văn Phòng	Nam	23/08/1988	Hà Nội	Địa tin học	
128	Hoàng Văn Đạt	Nam	16/08/1996	Hải Dương	Kỹ thuật điện	
129	Nguyễn Tiến Hải	Nam	08/03/1987	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
130	Nguyễn Nhật Huy	Nam	11/07/1982	Hải Phòng	Kỹ thuật điện	
131	Phạm Việt Huy	Nam	13/01/1987	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
132	Nguyễn Công Kiên	Nam	12/09/1978	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
133	Nguyễn Đức Nam	Nam	07/12/1979	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
134	Vũ Đình Tiến	Nam	03/04/1996	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
135	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	28/02/1982	Thái Bình	Kỹ thuật điện	
136	Phạm Minh Thanh	Nam	19/06/1981	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
137	Nguyễn Trọng Thanh	Nam	03/01/1981	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
138	Hoàng Thị Huyền Trang	Nữ	10/10/1987	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật điện	

139	Hoàng Hoàng Thanh Bình	Nam	05/12/1996	Quảng Ninh	Kỹ thuật môi trường	
140	Nguyễn Thị Mai Hương	Nữ	02/02/1998	Quảng Ninh	Kỹ thuật môi trường	
141	Đỗ Anh Tú	Nam	21/12/1995	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	
142	Hoàng Hải Yến	Nữ	12/07/1996	Thái Bình	Kỹ thuật môi trường	
143	Đỗ Duy Phúc	Nam	22/01/1997	Hải Phòng	KT địa vật lý	
144	Chu Trung Tiến	Nam	15/09/1996	Hà Nội	KT địa vật lý	
145	Dương Văn Thành	Nam	02/10/1996	Hà Tĩnh	KT địa vật lý	
146	Nguyễn Thiện Công	Nam	13/07/1995	Nghệ An	KT địa vật lý	
147	Đỗ Anh Đức	Nam	21/04/1980	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng	
148	Vũ Trọng Khang	Nam	27/07/1996	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng	
149	Nguyễn Văn Khuây	Nam	02/06/1994	Bắc Ninh	Kỹ thuật xây dựng	
150	Nguyễn Tất Tuấn	Nam	19/11/1990	Nghệ An	Kỹ thuật xây dựng	
151	Nguyễn Mạnh Tùng	Nam	30/09/1996	Hà Nội	Kỹ thuật xây dựng	
152	Nguyễn Đăng Trọng	Nam	21/10/1996	Thanh Hóa	Kỹ thuật xây dựng	
153	Nguyễn Tuấn Anh	Nam	20/11/1984	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
154	Nguyễn Thị Hà Anh	Nữ	27/10/1995	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
155	Nguyễn Hồng Anh	Nữ	09/10/1989	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
156	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	11/02/1983	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
157	Lê Xuân Biên	Nam	20/09/1980	Nghệ An	Quản lý kinh tế	
158	Đỗ Chí Công	Nam	01/01/1979	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
159	Nguyễn Xuân Cương	Nam	28/02/1993	Nam Định	Quản lý kinh tế	
160	Nghiêm Xuân Cường	Nam	18/12/1995	Nam Định	Quản lý kinh tế	
161	Phạm Văn Cường	Nam	26/07/1988	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
162	Nguyễn Trọng Cường	Nam	09/02/1988	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
163	Hoàng Linh Chi	Nữ	05/05/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
164	Đinh Thị Chi	Nữ	13/10/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
165	Lê Quang Chung	Nam	27/9/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
166	Phạm Hoàng Dung	Nữ	11/04/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
167	Mai Thị Thùy Dung	Nữ	06/6/1983	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
168	Trần Việt Dũng	Nam	12/08/1997	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
169	Nông Trung Dũng	Nam	11/03/1977	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
170	Lê Văn Dũng	Nam	05/10/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
171	Mai Văn Dũng	Nam	15/09/1978	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
172	Trần Văn Duy	Nam	24/04/1996	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
173	Phạm Ngọc Đỉnh	Nam	02/07/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
174	Lê Trương Được	Nam	12/08/1972	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
175	Lê Nam Giang	Nam	08/02/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
176	Nguyễn Mạnh Hà	Nam	21/12/1972	Nam Định	Quản lý kinh tế	
177	Ninh Thị Thu Hà	Nữ	10/05/1994	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
178	Nguyễn Minh Hà	Nữ	12/05/1978	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
179	Trần Thu Hà	Nữ	19/10/1984	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
180	Trịnh Thị Mỹ Hạnh	Nữ	02/11/1993	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
181	Bùi Huy Hạnh	Nam	25/07/1978	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
182	Lại Thị Thu Hằng	Nữ	20/08/1995	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
183	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	02/09/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
184	Hoàng Thị Hiên	Nữ	20/11/1990	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
185	Hoàng Thanh Hiếu	Nam	22/12/1987	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
186	Trần Dương Công Hiếu	Nam	17/03/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	

187	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	Nữ	01/04/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
188	Bế Thị Hòa	Nữ	8/6/1973	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
189	Lê Văn Hóa	Nam	17/04/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
190	Nguyễn Thị Hoài	Nữ	28/09/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
191	Lê Huy Hoàn	Nam	01/12/1993	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
192	Phạm Minh Hoàng	Nam	26/01/1996	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
193	Nguyễn Thị Huế	Nữ	19/09/1980	Cao Bằng	Quản lý kinh tế	
194	Lê Tấn Huệ	Nam	17/04/1982	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
195	Đặng Vũ Hùng	Nam	20/10/1978	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
196	Hoàng Khánh Huyền	Nữ	31/08/1998	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
197	Trần Thị Huyền	Nữ	21/11/1993	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
198	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	13/02/1976	Quảng Bình	Quản lý kinh tế	
199	Lê Thanh Hương	Nữ	20/03/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
200	Phạm Thị Hường	Nữ	02/10/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
201	Mai Thị Hường	Nữ	19/05/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
202	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	30/04/1983	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
203	Nguyễn Văn Kỳ	Nam	13/07/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
204	Lê Đình Khiêm	Nam	16/03/1992	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
205	Ngô Thị Phương Lam	Nữ	10/11/1980	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
206	Đỗ Thị Thùy Linh	Nữ	02/01/1997	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
207	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	28/08/1997	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
208	Nguyễn Văn Linh	Nam	20/09/1990	Hà Giang	Quản lý kinh tế	
209	Hà Thị Lộc	Nữ	19/12/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
210	Lê Xuân Lương	Nam	25/01/1990	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
211	Vũ Thị Mai	Nữ	27/11/1991	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
212	Hoàng Thị Quỳnh Mai	Nữ	02/6/1997	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
213	Nguyễn Thị Mến	Nữ	28/04/1986	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
214	Lê Viết Minh	Nam	05/05/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
215	Nguyễn Văn Nam	Nam	13/07/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
216	Nguyễn Văn Ngọ	Nam	06/07/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
217	Lê Thị Ngọc	Nữ	11/12/1998	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
218	Lâm Thị Nguyệt	Nữ	19/06/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
219	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam	05/02/1996	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
220	Vũ Minh Phương	Nữ	07/08/1981	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
221	Nguyễn Quốc Phương	Nam	17/06/1993	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
222	Đỗ Đình Quân	Nam	09/10/1977	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
223	Phùng Thị Quỳnh	Nữ	12/09/1991	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
224	Nguyễn Bá Sơn	Nam	28/05/1985	Hải Dương	Quản lý kinh tế	
225	Trần Tấn Tâm	Nam	12/04/1977	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
226	Trịnh Duy Tình	Nam	17/10/1975	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
227	Nguyễn Văn Toàn	Nam	04/10/1981	Quảng Ngãi	Quản lý kinh tế	
228	Lê Vinh Toàn	Nam	20/03/1989	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
229	Dương Thành Tú	Nam	18/01/1985	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
230	Bùi Anh Tuấn	Nam	26/11/1988	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
231	Phạm Anh Tuấn	Nam	15/11/1980	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
232	Lê Hữu Tùng	Nam	22/04/1987	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
233	Đinh Xuân Tùng	Nam	15/05/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
234	Mai Văn Thanh	Nam	01/09/1980	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	

235	Lê Thị Thanh	Nữ	19/05/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
236	Lê Phương Thảo	Nữ	12/06/1996	Lào Cai	Quản lý kinh tế	
237	Phan Thị Hương Thảo	Nữ	24/01/1998	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
238	Lý Văn Thắng	Nam	12/06/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
239	Mai Xuân Thắng	Nam	09/11/1980	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
240	Phan Minh Thi	Nữ	24/01/1995	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
241	Dương Thị Thoa	Nữ	22/07/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
242	Lê Văn Thông	Nam	25/12/1975	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
243	Nông Hà Thơ	Nữ	29/10/1979	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
244	Nguyễn Như Thủy	Nam	01/11/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
245	Vy Thị Thúy	Nữ	13/05/1988	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
246	Hoàng Ngọc Thúy	Nữ	09/12/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
247	Dương Thị Thúy	Nữ	10/10/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
248	Đỗ Đình Thực	Nam	16/04/1979	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
249	Đào Duy Thương	Nam	16/12/1973	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
250	Trần Thị Thu Trang	Nữ	18/02/1989	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
251	Lê Thị Trường	Nữ	01/01/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
252	Lê Tố Uyên	Nữ	04/09/1994	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
253	Bùi Khắc Văn	Nam	01/03/1973	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
254	Thái Văn Vĩnh	Nam	20/10/1974	Ninh Bình	Quản lý kinh tế	
255	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	03/12/1982	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
256	Trịnh Văn Xuân	Nam	16/10/1983	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
257	Mai Phương Anh	Nữ	26/08/1988	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
258	Phạm Thành Chung	Nam	14/01/1984	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
259	Lê Văn Diệp	Nam	03/06/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
260	Mai Thị Đào	Nữ	02/05/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
261	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	26/12/1995	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
262	Lê Năng Minh Phúc	Nam	01/05/1996	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
263	Trương Thị Thoa	Nữ	26/03/1990	Nam Định	Quản lý kinh tế	
264	Mai Xuân Trường	Nam	19/12/1990	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
265	Lê Anh Xuân	Nam	28/02/1973	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
266	Nông Xuân Hoàn	Nam	04/03/1989	Cao Bằng	Quản lý kinh tế	
267	Trịnh Thị Liên	Nữ	03/06/1983	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
268	Hoàng Thế Năm	Nam	10/06/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
269	Nguyễn Văn Thành	Nam	14/03/1981	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
270	Trương Văn Trường	Nam	25/06/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
271	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	03/11/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
272	Trương Văn Tùng	Nam	12/05/1990	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	

(Danh sách gồm 272 học viên)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải